TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2021
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí;

2. Ông Ngô Văn Được.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp "ly hôn, về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 418/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị P, sinh năm 1975; địa chỉ: số 419, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Tống Văn R, sinh năm 1975; địa chỉ: số 419, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Dương Thị P trình bày: Chị và anh Tống Văn R tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cách nay khoảng 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên N do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, không quan

tâm gia đình nên vợ chồng thường hay cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng không còn chung sống từ đó cho đến nay. Từ khi không còn sống chung vợ chồng không tới lui thăm nhau, không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Tống Văn R. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Tống Thị Thúy V, sinh ngày 11/6/2004, Tống Thị Kiều V1, sinh ngày 01/01/2007 và Tống Thành N, sinh ngày 04/5/2010 (các con chung đang được chị P chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị P yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị P có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Tống Văn R được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh R vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị P yêu cầu ly hôn với bị đơn anh R, anh R có nơi cư trú ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh R được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh R là có căn cứ.

[3] Chị P yêu cầu ly hôn với anh R. Chị P và anh R có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn N và gia đình nên quan hệ hôn N giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị P trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc đến cách nay khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh R có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, thường hay cãi vã nên mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn và không còn chung sống từ đó đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, chị P yêu cầu ly hôn với anh R. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc chị P yêu cầu ly hôn và triệu tập anh R tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng anh R vẫn vắng

mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị P. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh R xuất phát từ việc không đồng quan điểm trong cuộc sống, anh R không quan tâm chăm sóc gia đình nên thường hay cãi vã, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống khoảng 06 năm cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn N không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3.1] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, chị P xác định vợ chồng có 03 con chung tên Tống Thị Thúy V, sinh ngày 11/6/2004, Tống Thị Kiều V1, sinh ngày 01/01/2007 và Tống Thành N, sinh ngày 04/5/2010 (hiện do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, các cháu Thúy V, Kiều V1 và N do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết anh R không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị P. Bên cạnh đó, các cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, để chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Thúy V, Kiều V1 và N là phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của các cháu.

[3.2] Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị P trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.4] Về quan hệ nợ chung: Chị P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Án phí hôn N sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị P đối với anh Tống Văn R.

- Về quan hệ hôn N: Chị Dương Thị P được ly hôn với anh Tống Văn R.

Giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyển số 01, ngày 16 tháng 10 năm 2003 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Dương Thị P và anh Tống Văn R không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Dương Thị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung tên Tống Thị Thúy V, sinh ngày 11/6/2004, Tống Thị Kiều V1, sinh ngày 01/01/2007 và Tống Thành N, sinh ngày 04/5/2010 (hiện do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh Tống Văn R không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Chị Dương Thị P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Tống Văn R trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Dương Thị P xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn N, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn N, thì chị Dương Thị P và anh Tống Văn R phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn N và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Dương Thị P phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0009501 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 18/5/2021. Chị P đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư